HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53 /NQ-HĐND	*An Giang, ngày 30 tháng10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến đối với Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và Nghị định số 50/2026/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 972/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết cho ý kiến đối với Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ phần

trăm (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh An Giang với nội dung cụ thể như sau:

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất

Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm theo từng khu vực tương ứng với từng mục đích sử dụng đất, như sau:

TT	Khu vực/Mục đích sử dụng đất	Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất
1	**Phường Rạch Giá, phường Long Xuyên, đặc khu Phú Quốc**	
a	Đất nông nghiệp	1,5%
b	Đất phi nông nghiệp	
-	Đất thương mại, dịch vụ	2%
-	Đất phi nông nghiệp còn lại	1,5%
2	**Các phường còn lại**	
a	Đất nông nghiệp	0,75%
b	Đất phi nông nghiệp	
-	Đất thương mại, dịch vụ	1,5%
-	Đất phi nông nghiệp còn lại	1%
3	**Các xã, đặc khu còn lại và các khu công nghiệp, khu kinh tế (trừ Khu kinh tế Phú Quốc)**	
a	Đất nông nghiệp	0,5%
b	Đất phi nông nghiệp	
-	Đất thương mại, dịch vụ	1%
-	Đất phi nông nghiệp còn lại	0,75%

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm

a) Đối với đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 216 Luật Đất đai, mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này; đơn giá thuê đất được tính theo quy định tại khoản 1

Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 13 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP.

b) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai, mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất được xác định như sau:

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm thì được tính bằng mức tỷ lệ 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì được tính bằng mức tỷ lệ 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

c) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất đó thì mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất của phần diện tích vượt này được xác định theo mức tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại điểm b khoản này.

3. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước

a) Đối với phần diện tích đất không có mặt nước, mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này; đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

b) Đối với phần diện tích đất có mặt nước, mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng mức tỷ lệ 20% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện dự thảo và ban hành Quyết định quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho

người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh An Giang theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Trần Thị Thanh Hương